

Bản án số: 122/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 02/12/2022

V/v ly hôn giữa ông L và bà M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Minh Minh Tặng, bà Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/HNGĐ – TLST ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Cao Xuân L; sinh năm 1968

Địa chỉ: tổ dân phố *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị M; sinh năm 1966

Địa chỉ: tổ dân phố *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2022 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cao Xuân L trình bày:

- về hôn nhân: ông L và bà M kết hôn năm 2022 tại UBND thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, trước đó hai vợ chồng đã chung sống với nhau hơn ba mươi năm nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp

tính tình, không cùng quan điểm sống, sống không hợp nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã cạn kiệt dần, không còn để tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình nên ông L làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà .

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 03 con chung là cháu Cao Thị Ánh N, sinh năm 1991, Cao Dương Minh V, sinh năm 1993 và Cao Thị Ánh N, sinh năm 1997, các con đã trưởng thành nên cha mẹ sẽ có trách nhiệm chung.

- tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai trình bày: bà M và ông L chung sống với nhau từ năm 1990, sinh được 03 người con hiện các con đã trưởng thành, gia đình bà từ trước đến nay sống rất hòa thuận, chồng bà thường xuyên đi làm ăn xa, một mình bà chăm sóc nuôi các con ăn học. Đến tháng 6/2022 chúng tôi xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là chồng bà nhắn tin với người phụ nữ khác mà tôi phát hiện được, sau đó chồng bà tuyên bố ly hôn nhưng bà không đồng ý. Bà M muốn hai vợ chồng chung sống hòa thuận để dìu dắt con cái trưởng thành, bà không muốn ly hôn. Hai vợ chồng có ba con chung như ông L trình bày. Về tài sản chung và nợ chung: do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bà M. Về con chung: các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M: không đồng ý ly hôn vì giữa bà M và ông L không có mâu thuẫn gì, ông L có quan hệ với người phụ nữ khác nên mới yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ông Cao Xuân L ly hôn bà Nguyễn Thị M; con chung và tài sản chung không xem xét giải quyết; ông Lục phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bà M, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: ông L và bà M kết hôn với nhau vào năm 2022 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông L: vợ chồng ông L, bà M không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của ông L, bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: các con của ông L, bà M đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông L phải chịu án phí sơ thẩm.

[7]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ông Cao Xuân L ly hôn bà Nguyễn Thị M.
2. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Tòa không xét.
3. Về án phí: ông Cao Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000660 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.
4. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/12/2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND thị trấn Quy Đạt;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

